

Số: /2018/NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2018

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định về Phí Thư viện trên địa bàn thành phố Hải Phòng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
KHÓA XV – KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh Thư viện năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Phí và Lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2018 của Ủy ban nhân dân thành phố tại về việc trình ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Quy định về Phí Thư viện trên địa bàn thành phố Hải Phòng, Báo cáo thẩm tra số: /BC-HĐND của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; Ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này áp dụng đối với việc thu, nộp, quản lý và sử dụng Phí Thư viện trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng nộp phí: Nghị quyết này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng dịch vụ thư viện tại các Thư viện trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

b) Đơn vị thu phí: Thư viện Khoa học tổng hợp thành phố và Thư viện cấp huyện trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Mức thu, đối tượng miễn thu, giảm thu.

1. Tại Thư viện Khoa học Tổng hợp thành phố

a. Phí thẻ đọc, mượn tài liệu đối với bạn đọc là người lớn (từ đủ 16 tuổi trở lên): 30.000 đồng/thẻ/năm.

b. Phí thẻ đọc, mượn tài liệu đối với bạn đọc là trẻ em (dưới 16 tuổi): 10.000 đồng/thẻ/năm.

2. Tại thư viện cấp huyện trên địa bàn thành phố

a. Phí thẻ đọc, mượn tài liệu đối với bạn đọc là người lớn (từ đủ 16 tuổi trở lên): 10.000 đồng/thẻ/năm.

b. Phí thẻ đọc, mượn tài liệu đối với bạn đọc là trẻ em (dưới 16 tuổi): 5.000 đồng/thẻ/năm.

3. Đối tượng được giảm phí, bao gồm:

a. Giảm 50% đối với các đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/NQ-TTg ngày 14/8/2003 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa.

b. Giảm 50% đối với người khuyết tật nặng theo quy định tại Khoản 2, Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật.

c. Giảm 25% mức phí thư viện: Người cao tuổi theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư 06/2012/TT-BVHTTDL ngày 14/5/2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 06/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về hỗ trợ người cao tuổi tham gia hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch và tổ chức mừng thọ người cao tuổi.

d. Giảm 20% đối với học sinh, sinh viên.

Trường hợp người vừa thuộc diện hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa vừa thuộc diện người khuyết tật nặng thì chỉ được giảm 50% mức phí thư viện.

4. Đối tượng được miễn phí, bao gồm:

Người khuyết tật đặc biệt nặng theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật.

Điều 3. Quản lý và sử dụng Phí Thư viện.

1. Đơn vị thu phí để lại 90% trên tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí; 10% còn lại nộp ngân sách nhà nước.

2. Việc sử dụng nguồn thu để lại thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước.

3. Tổ chức, đơn vị thu phí thực hiện kê khai, nộp số tiền phí theo tháng, quyết toán năm theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

4. Các nội dung khác liên quan đến việc kê khai, thu, nộp phí được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật phí và lệ phí và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 4. Tổ chức thực hiện.

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa XV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày / /2018 và có hiệu lực từ ngày / / ./.

Nơi nhận:

- Ủy ban TVQH, Chính phủ;
- VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Bộ VH,TT&DL; Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT TU, TT HĐND, UBND TP;
- Đoàn đại biểu Quốc hội HP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Các ban HĐND TP;
- Các đại biểu HĐND TP khóa XV;
- VP: TU, ĐDBQH HP, UBND TP;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- Các Quận ủy, Huyện ủy;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện;
- CVP, các PCVP HĐND TP;
- Báo HP, Đài PT&TH HP;
- Công báo TP, Cổng TTĐTTP;
- Các CV VP HĐND TP;
- Lưu: VT, HS kỳ họp, QT.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Thành

